

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HS-ST

Ngày 07 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Thanh Tâm và Phạm Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn Q, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1998, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Số nhà 37, ngõ 455, đường L, tổ 32, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trần Văn T, sinh năm 1967 và con bà: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; nhân thân: Từ tháng 3/2018 đến tháng 01/2020 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Lữ đoàn 214 - Quân khu 3. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2020; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo:

1- Ông Hà Trọng Đ- Luật sư thuộc Công ty Luật H.

2- Ông Ngô Văn T1- Luật sư thuộc Công ty Luật H.

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CTM, số 299, đường C, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội; có mặt.

* *Người bị hại:* Anh Phạm Trường G, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn K1, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; có mặt.

* *Người làm chứng:*

1- Anh Vũ Quang H, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn T3, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; có mặt.

2- Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Tổ 7, phường Tr, thành phố T, tỉnh Thái Bình; có mặt.

3- Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn K1, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

4- Anh Mai Thế C1, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn T4, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 29/3/2020, Trần Văn Q đến dự sinh nhật anh Nguyễn Văn Chủ cùng các anh Phạm Trường G, anh Vũ Quang H, anh Nguyễn Đình C, anh Phạm Văn T2 và anh Mai Thế C1. Mọi người cùng nhau ăn uống, đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì xong. Lúc này Q cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng đồng trị giá 4.100.000 đồng của anh G đưa cho anh G rồi ra bàn uống nước. Anh G để chiếc điện thoại của mình lên mặt bàn rồi ngồi uống nước cùng anh H, anh C1, anh T2 và anh G. Khoảng 15 phút sau mọi người ra về chỉ còn Q và anh T2, Q nhìn thấy chiếc điện thoại của anh G vẫn để trên mặt bàn. Lợi dụng lúc anh G đi vệ sinh, Q lấy điện thoại của anh G bỏ vào túi quần bên trái của mình rồi về nhà tắt nguồn điện thoại và cất giấu trong tủ quần áo.

Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, anh G đã đến Công an xã V, thành phố T trình báo và khai rõ họ tên, địa chỉ những người cùng dự sinh nhật với mình tại nhà anh Nguyễn Văn Chủ. Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã triệu tập Trần Văn Q đến làm việc. Trần Văn Q đã khai nhận và mang chiếc điện thoại trộm cắp của anh G giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/BBĐG-HĐĐG ngày 09/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: “Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng đồng đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 4.100.000 đồng”.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Q khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng đồng của anh Phạm Trường G như nội dung đã nêu ở trên.

Bản cáo trạng số 90/CT-VKSTPTB ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s,h,i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Trần Văn Q mức án tù 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo trình bày: Căn cứ vào quy định, điều luật áp dụng về tội danh, mức hình phạt và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Chúng tôi là luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo Trần Văn Q đề nghị Hội đồng xét xử: Xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo, thái độ khai báo thành khẩn và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo và có thời gian thử thách để bị cáo yên tâm sửa chữa để trở thành công dân có ích cho xã hội.

* Anh Phạm Trường G – bị hại trình bày: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa anh không có ý kiến gì.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 29/3/2020 tại nhà anh Nguyễn Văn Chú, bị cáo Q thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu vàng đồng, trị giá 4.100.000 đồng của anh G.

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại anh Phạm Trường G (BL:01,67,72); Biên bản quản lý đồ vật do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T lập hồi 16 giờ 50 phút ngày 30/3/2020 tại trụ sở Công an thành phố T (BL: 30); Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 09/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T (BL:27); Lời khai người làm chứng (BL:38,61-66;73-84), cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn Q phạm tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo Q thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã lợi dụng lúc bị hại sơ hở trong việc quản lý, giám sát lỏng lẻo của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đồng thời giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 17/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho anh Phạm Trường G chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng đồng, anh G đã nhận tài sản và không có ý yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường K, thành phố T nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/8/2020).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Huyền